

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX - ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐXX - ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 05/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1990;
Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình
Địa chỉ hiện nay: Tổ x, ấp y, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021, bản tự khai đề ngày 23/01/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị Huyền T trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/12/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Tr. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh Tr không có công việc, thường xuyên ăn uống say sưa, đánh chửi vợ. Chị đã cố gắng nín nhịn và nhiều lần khuyên bảo chồng để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Từ ngày 26/10/2020, chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Chị và anh Tr sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/11/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con N, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu N đang ở cùng chị và gia đình chị. Chị làm công nhân và dịch vụ chăm sóc sắc đẹp. Thu nhập trung bình là 200.000đồng/ngày. Chị khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con N.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian vợ chồng anh chị chung sống ở nhà chồng, anh chị không kiến thiết, mua sắm được gì.

2. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa, anh Tr không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của anh Tr đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Tr theo địa chỉ mà chị T cung cấp. Trên phiếu báo phát hoàn lại đều thể hiện chữ ký của người nhận văn bản là anh Tr và người thân của anh Tr (bố, mẹ đẻ anh Tr). Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ, cũng như tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai anh Tr đều vắng mặt không lý do.

3. Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, là bố đẻ anh Nguyễn Văn Tr tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T ngày 04/3/2021, ông C trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị T và anh Tr, ông C trình bày như chị T đã khai tại Tòa án. Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh Tr có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông không nắm được cụ thể nguyên nhân là do ai. Gia đình ông đã bảo ban cả hai anh chị nhưng không có kết quả. Từ ngày 27/10/2020, chị T đã đưa con về gia đình bên ngoại. Từ đó đến nay, chị T không còn sống tại gia đình ông nữa. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh Tr, ông không mong muốn anh chị ly tán để cháu N thiệt thòi. Nhưng nếu chị T không thay đổi quyết định thì gia đình ông chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Cháu Nguyễn Trọng N hiện đang ở cùng chị T. Nếu chị T và anh Tr ly hôn, ông không có ý kiến gì về việc giao cháu Nhân cho ai nuôi dưỡng. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của chị T, anh Tr để giải quyết theo quy định.

Về quan hệ tài sản: Anh Tr và chị T không có tài sản gì chung. Quá trình chung sống cùng gia đình ông, anh chị không đóng góp, kiến thiết được gì. Về nợ chung của anh chị ông không nắm được.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Tr, ông C trình bày: Các văn bản của Tòa án gửi cho anh Tr gia đình ông đã nhận được. Anh Tr cũng đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị T nhưng vì anh Tr bận công việc nên anh Tr không đến Tòa án làm việc. Ông C đồng ý nhận các văn bản Tòa án gửi cho anh Tr và cam kết sẽ thông báo ngay cho anh Tr sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án.

4. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 06/12/2016.

Sau kết hôn, chị T và anh Tr chung sống với nhau tại gia đình anh Tr ở thôn B, xã T, huyện V. Về quá trình chung sống giữa chị T và anh Tr địa phương xác nhận giữa hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được cụ thể nguyên nhân là do đâu. Trước đây, anh Tr đã từng kết hôn nhưng sau đó cũng làm thủ tục ly hôn, lần kết hôn với chị T là lần thứ hai. Hiện chị T không còn sinh sống tại gia đình anh Tr. Nay chị T xin ly hôn anh Tr, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/11/2016. Hiện nay tại gia đình anh Tr đang nuôi con của anh Tr với người vợ trước. Chị T và anh Tr ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giao con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể về tài sản chung và khoản nợ chung của vợ chồng chị T, anh Tr. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra địa phương còn cung cấp thêm: Anh Tr hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, thỉnh thoảng anh vẫn đi về gia đình. Anh Tr không khai báo tạm vắng tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và xác định tư cách đương sự. Tuy nhiên, về quan hệ tranh chấp Thẩm phán chỉ xác định đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn” là chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đảm bảo đúng quy định pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân

và gia đình; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/11/2016. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh Tr chưa có ý kiến gì nên đề nghị giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

+ Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Huyền T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr có địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn Tr đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 06/12/2016 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ cuối tháng 10/2020 đến thời điểm vụ án đưa ra xét xử, chị T và anh Tr vẫn sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Tr đã được

triệu tập nhiều lần nhưng anh Tr không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị T. Điều này chứng tỏ anh Tr không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua xác minh tại xã T và lấy lời khai của đại diện gia đình anh Tr cũng thể hiện: Giữa chị T và anh Tr có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh Tr.

[2.2] Quan hệ con chung: Cháu Nguyễn Trọng N hiện đang ở cùng với chị T và gia đình chị T. Chị T có nguyện vọng được nuôi con. Mặt khác, chị T cũng có công việc và có thu nhập. Anh Tr không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/11/2016 là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do chưa có lời trình bày của anh Tr, chị T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị T và anh Tr có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trọng Nn, sinh ngày 12/11/2016. Không đặt ra giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh Tr có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị Huyền T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0000xxx ngày 20/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)